SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2036/TM-TTKSBT

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2025*

# THƯ MỜI CHÀO GIÁ
## Về việc cung cấp báo giá các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế

Kính gửi: Quý Công ty

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu mua các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế. Trung tâm kính mời các đơn vị có chức năng và là nhà thầu được phê duyệt trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tham gia gửi chào giá cạnh tranh cung cấp báo giá các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế, với nội dung như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược – Thiết bị Y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: số 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0909408895 Line: 263.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Thiết bị Y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh, số 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh.

- Kèm báo giá file mềm qua email: **khoaduoc@hcdc.gov.vn**

- Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ "Báo giá theo Thư mời báo giá số 2036 /TM-TTKSBT ngày 10 /.11 /2025".

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Đến trước 16h00 ngày 20 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **90 ngày**, kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2025

**II. Nội dung yêu cầu bao giá:**

1. Danh mục hàng hóa:

| STT | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về HSD (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chromocult coliform Agar | Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh<br>Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục<br>Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 9308-1 và ISO 17025<br>Thử nghiệm đầu ra đáp ứng ISO 11133 | Hộp 500g | Hộp | 2 | Tối thiểu 24 tháng |

| STT | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về HSD (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | pH: 6,6 - 7,0 (26,5 g/l, $H_2O$, 25 độ C) | | | | |
| 2 | Bactident Coagulase | Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh<br>Huyết tương thỏ dạng đông khô với EDTA<br>Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 17025, ISO 11133 | Hộp 6 vials | Hộp | 20 | Tối thiểu 24 tháng |
| 3 | Bactident Oxidase | Dạng que giấy, đầu que giấy có tẩm thuốc thử N,N-dimethyl-1,4-phenylene diammonium dichloride 0,1µmol và 1-naphthol 1,0µmol.<br>Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn: ISO 17025, ISO 11133 | Hộp 50 test | Hộp | 5 | Tối thiểu 9 tháng |
| 4 | Buffer solution pH 10,00 (20 độ C) | Truy nguyên theo chuẩn NIST, đạt chuẩn DIN 19266, IUPAC, Ph Eur, USP. | Chai 500ml | Chai | 2 | Tối thiểu 18 tháng |
| 5 | Buffer solution pH 7,00 (20 độ C) | Truy nguyên theo chuẩn NIST, đạt chuẩn DIN 19266, IUPAC, Ph Eur, USP. | Chai 500ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 6 | Hydrogen peroxide 30% | Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ISO. Nồng độ $\geqslant$ 30 %<br>. | Chai 1000ml | Chai | 1 | Tối thiểu 24 tháng |
| 7 | Ống chỉ thị sinh học sử dụng để kiểm tra nồi hấp | Gồm một ống nhựa cứng có nắp, bên trong chứa một ống thủy tinh (ampun) có thể bóp vỡ chứa môi trường Trypticase Soy Broth (TSB) được điều chỉnh với chỉ thị pH, và một đĩa giấy được cấy sẵn bào tử Geobacillus stearothermophilus ở mật độ 100.000 – 1.000.000 CFU.<br>Bên ngoài có dán chỉ thị hóa học để chỉ thị quá trình tiệt trùng<br>Thời gian ủ và đọc kết quả trong vòng 24 giờ | Hộp 50 ống | Hộp | 4 | Tối thiểu 24 tháng |
| 8 | Pseudomonas CN selective Suplement | Phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh<br>Phù hợp sử dụng pha chế môi trường Pseudomonas CN Agar theo tiêu chuẩn ISO 16266<br>Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 17025, ISO 11133 | Hộp 10 vials | Hộp | 6 | Tối thiểu 24 tháng |

| STT | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về HSD (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | pH: 8,2 - 8,8 (63 g/l, $H_2O$, 20 độ C) | | | | |
| 9 | Pseudomonas Selective Agar | Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh<br>Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục.<br>Đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn ISO 16266, ISO 17025<br>Thử nghiệm đầu ra đạt theo ISO 11133<br>pH: 6,9 - 7,3 (48,4 g/l, $H_2O$, 25 độ C) | Hộp 500g | Hộp | 3 | Tối thiểu 24 tháng |
| 10 | Sodium chloride | Loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ACS, Ph Eur. Tinh khiết ≥ 99%. | Chai 1000g | Chai | 2 | Tối thiểu 24 tháng |
| 11 | Thuốc thử Nessler | Dạng dung dịch Potassium tetraiodomercurate – Potassium hydroxide | Chai 100ml | Chai | 1 | Tối thiểu 24 tháng |
| 12 | Tryptic Soy Agar | Môi trường phù hợp cho kiểm nghiệm vi sinh<br>Môi trường dạng hạt, ít bụi, dễ hòa tan, không bị vón cục.<br>Đáp ứng tiêu chuẩn: ISO 6579, ISO 17025<br>Thử nghiệm đầu ra đạt theo ISO 11133<br>pH: 7,1 - 7,5 (40 g/l, $H_2O$, 25 độ C) | Hộp 500g | Hộp | 1 | Tối thiểu 24 tháng |
| 13 | 1,8-Dihydroxy- 2-(4-sulfophenylazo) naphthalene-3,6-disulfonic acid trisodium salt) | Thuốc thử loại dùng cho phân tích. Thay đổi màu với zirconium. Bước sóng hấp thu (đệm pH 7,0): 505-510 nm. | Chai 25g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 14 | Amonium standard solution, 1000 mg/l NH4+ | Truy nguyên theo chuẩn NIST NH4Cl trong H2O 1.000 mg/L NH4 | Chai 500ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 15 | Barium chloride dihydrate | Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS, ISO,Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết ⩾ 99,0 % | Chai 500g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 16 | Calcium carbonate standard | Truy nguyên theo chuẩn NIST, chuẩn thứ cấp. | Chai 50g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 17 | EDTA-disodium salt (Titriplex III) | Loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ACS, ISO, Ph Eur. Độ tinh khiết ⩾ 99%. | Chai 1000g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 18 | Hydrochloric acid fuming 37% | Dùng trong phân tích, đạt chuẩn ACS,ISO,Reag. Ph Eur. Độ tinh khiết: 37,0 - 38,0 % | Chai 1000ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |

| STT | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về HSD (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Hydrochloric acid standard solution 0.1N | Truy nguyên theo chuẩn NIST, trong 1.000 mL, c(HCl) = 0,1 mol/L (0,1 N). | | Ống | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 20 | Nitrate standard solution, 1000mg/L NO3- | Truy nguyên theo chuẩn NIST NaNO3 trong H2O 1.000 mg/L NO3 | Chai 500ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 21 | Nitrite standard solution, 1000mg/L NO2- | Truy nguyên theo chuẩn NIST NaNO2 trong H2O 1.000 mg/L NO2. | Chai 500ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 22 | Ortho- Phosphoric acid 85% | Dùng cho phân tích, đạt chuẩn: ISO, Reag, Ph Eur. Độ tinh khiết ⩾ 85,0%. | Chai 1000ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 23 | Phenolphtalein | Thuốc thử loại dùng cho phân tích, đạt chuẩn: ACS, Reag. Ph Eur. | Chai 25g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 24 | Color 500 Pt-Co units calibration standard | Truy nguyên theo chuẩn NIST, dùng cho phương pháp so màu. | Chai 500ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 25 | Potassium permanganate solution 0,1N | Truy nguyên theo chuẩn NIST. Nồng độ: 0,01990-0,02010 mol/L. | Chai 1000ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 26 | Silver nitrate | Loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ACS, ISO, Ph Eur. Độ tinh khiết ⩾ 99%. | Chai 25g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 27 | Sodiumazide (Sodium Nitrua) | Dùng cho phân tích. Độ tinh khiết ⩾ 99,0%. | Hộp 100g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 28 | Sodium hydroxide | Loại dùng cho phân tích. Độ tinh khiết ⩾ 99,0% | Chai 1000g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 29 | Sodium hydroxyde solution for 1000 ml, c(NaOH) = 0,1 mol/l (0,1 N) | Loại dùng cho phân tích. Nồng độ: 0,0995-0,1005N | | Ống | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 30 | Sulfate standard solution, 1000 mg/l $SO_4^{2-}$ | Truy nguyên theo chuẩn NIST Na2SO4 trong H2O 1.000 mg/L SO4. | Chai 500ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 31 | Sulfuric acid 95-97% | Loại dùng cho phân tích. Đạt chuẩn ISO, độ tinh khiết 95,0-97,0% | Chai 1000ml | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 32 | Calmagite: 1-(1-Hydroxy-4-methyl-2-phenylazo)- 2-naphthol-4-sulfonic acid) | Chỉ thị màu dùng cho phân tích độ cứng, dạng bột. | Chai 10g | Chai | 1 | Tối thiểu 18 tháng |
| 33 | Dung dịch đo độ dẫn điện 10uS/ cm | 'Truy nguyên theo chuẩn NIST | Chai 250ml | Chai | 1 | Tối thiểu 4 tháng |

| STT | Tên hàng hóa | Thông số kỹ thuật | Quy cách | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu về HSD (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Màng lọc tiệt trùng 0,22µm | Chất liệu bằng cellulose ester,<br>Đường kính 47mm,<br>Kích thước lỗ lọc 0,2 - 0,22µm,<br>Tiệt trùng rời từng cái. | | Cái | 3.600 | Tối thiểu 18 tháng |
| 35 | Màng lọc tiệt trùng 0,45µm | Chất liệu bằng cellulose ester,<br>Đường kính 47mm,<br>Kích thước lỗ lọc 0,45µm,<br>Tiệt trùng rời từng cái. | | Cái | 7.200 | Tối thiểu 18 tháng |
| 36 | Băng keo chỉ thị nhiệt sấy khô | Phù hợp sử dụng để tiệt trùng khô (sấy khô), kích thước chiều rộng băng keo ⩾ 19 mm, chiều dài ⩾ 50 m | | Cuộn | 4 | Tối thiểu 24 tháng |
| 37 | Đĩa Rodac nhựa tiệt trùng | Bằng nhựa, đã tiệt trùng.<br>Đáy lồi, có chia vạch<br>Đường kính 60mm. | | Cái | 1.000 | Tối thiểu 24 tháng |
| 38 | Bình HDPE | Chất liệu: HDPE<br>Đường kính miệng bình ⩾ 10 cm<br>Dung tích: 20-30 lít<br>Phù hợp đựng và bảo quản nước cất<br>Có vòi chống rò rỉ<br>Có quai xách | | Cái | 4 | |
| 39 | Bát sứ có mỏ | Chất liệu bằng sứ, đường kính: 10-15cm, dung tích: 200-300 mL, chịu nhiệt cao > 200 độ C | | Cái | 20 | |
| 40 | Cuvet thạch anh, đường truyền 10 mm | Light path 10mm, kích thước ngoài: 12,5x12,5mm, cao 45mm. 2 mặt nhám, 2 mặt trơn, phạm vi bước sóng: 200-2.500 nm. | | Cái | 8 | |
| 41 | Điện cực pH, phù hợp máy pH Metler Toledo Sevencompa ct S220 hoặc tương đương | Dùng đo pH chất lỏng, thang đo 1-14.<br>Khả năng chiu nhiệt: 0 đến 100 độ C.<br>Loại kết hợp điện cực pH và cảm biến nhiệt độ.<br>Chiều dài dây cáp: 1,2 m.<br>Dạng đầu nối: BNC. | | Cái | 1 | |
| 42 | Màng lọc sợi thủy tinh | Chất liệu: thủy tinh borosilicate. Kích thước lỗ lọc: 1,5µm, đường kính 47mm, chịu nhiệt >500 độ C. | | Hộp | 2 | |

2. Địa điểm giao hàng: tại kho của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 699 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

3. Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng trước ngày 25/12/2025. Ưu tiên hàng có sẵn. Yêu cầu ghi rõ tình trạng trong báo giá: có sẵn hay đặt hàng với thời gian dự kiến bao lâu kể từ ngày đặt hàng (cam kết thời gian giao hàng trước ngày 25/12/2025)

(Công ty có thể đề xuất phương án thay thế quy cách)

4. Hình thức thanh toán: chuyển khoản. Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đủ chứng từ theo quy định của Trung tâm

5. Các thông tin khác: Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hoá, bốc xếp vào tận kho của Trung tâm tại địa điểm 699 Trần Hưng Đạo, Phường Chánh Hưng, Tp. Hồ Chí Minh (chi phí đã bao gồm)

6. Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Tài liệu kỹ thuật của tất cả hàng hóa mà công ty chào (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catologue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác) chứng minh phù hợp với yêu cầu của Trung tâm.

+ Bản cam kết theo mẫu: Mẫu 1 dành cho nhà thầu là tổ chức và Mẫu 2 dành cho nhà thầu là hộ kinh doanh. *(Mẫu cam kết kèm theo Thư mời chào giá)*

Báo giá hợp lệ phải có đầy đủ các thành phần nêu trên./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu: VT, K.D-TBYT (PLQH-NNT-2b).

**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hồng Tâm

*Mẫu 1 dành cho nhà thầu là tổ chức*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BẢN CAM KẾT VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU

Căn cứ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i, khoản 1, Điều 5 Luật Đấu thầu, ....*(tên đơn vị báo giá)*..... cam kết:

1. Hạch toán tài chính độc lập;

2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

3. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

6. Cam kết các nội dung cung cấp trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Công ty sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các loại giấy tờ ngày.

7. Cam kết thời gian giao hàng theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (tại địa chỉ: .....).

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY**
*(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*Mẫu 2 dành cho nhà thầu là hộ kinh doanh*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BẢN CAM KẾT VỀ TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU

Căn cứ quy định tại các điểm d, e khoản 1 và các điểm a, b khoản 2, Điều 5 Luật Đấu thầu, ....*(tên đơn vị báo giá)*..... cam kết:

1. Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

5. Cam kết các nội dung cung cấp trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Hộ kinh doanh sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các loại giấy tờ ngày.

6. Cam kết thời gian giao hàng theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (tại địa chỉ: .....)

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA HỘ KINH DOANH**
*(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*